

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào điều 32, 33, 34 và 35 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào Điều 328 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của giữa Đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B ông Lê Đình T và Đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 bà Hà Thị T1, cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Xuân M, bà Hà Thị T1;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đề ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần B (gọi tắt là “BVB”).

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

1. Người khởi kiện:

Ngân hàng Thương mại cổ phần B. Địa chỉ: Tòa nhà H D N, Phường E, Quận C, Tp ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T2 – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc H, chức vụ Giám đốc Trung tâm Q nợ, là người được ủy quyền theo Quyết định số 239/2021/UQ-PCTT ngày 01/6/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Đình T – Chức vụ: Chuyên viên Hiện trường là người đại diện theo Giấy ủy quyền số 210/2023/UQ-BVB ngày 28/4/2023. Địa chỉ: Căn hộ liền kề số 14, tòa nhà S, đường T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

2. Người bị kiện:

Công ty trách nhiệm hữu hạn M1. Địa chỉ: xóm F, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hà Thị T1 – Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: khối N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Hà Thị T1**, sinh năm: 1968 và ông **Trịnh Xuân M**, sinh năm: 1967. Có cùng địa chỉ: khối N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 01 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 01 năm 2024, cụ thể như sau:

Đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B ông Lê Đình T và Đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 bà Hà Thị T1, cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Xuân M, bà Hà Thị T1 thỏa thuận thống nhất:

Công ty TNHH M1 do bà Hà Thị T1 giám đốc làm đại diện, bà Hà Thị T1, ông Trịnh Xuân M có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho: Ngân hàng TMCP B (gọi tắt là BV B1) số tiền tính đến hết ngày 29/01/2024 là: 15.499.983.039 đồng.

Trong đó:

- Nợ gốc: 13.019.625.849 đồng;
 - Lãi trong hạn: 1.261.412.232 đồng;
 - Phạt chậm trả lãi : 77.655.063 đồng;
 - Lãi quá hạn : 1.141.289.895 đồng
- Tổng cộng : 15.499.983.039 đồng.

Buộc Công ty TNHH M1 phải chịu toàn bộ số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung số 0632200018300 ngày 29/08/2022, Hợp đồng tín dụng từng lần số 063190038900 ngày 04/07/2019, Hợp đồng tín dụng từng lần số 0631900010000 ngày 30/01/2019, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung số 0632100014000 ngày 20/07/2021, Hợp đồng tín dụng từng lần số 0632100014200 ngày 20/07/2021, Giấy nhận nợ số 0632100014200001 ngày 20/07/2021, Giấy nhận nợ số 0632100014001013 ngày 14/07/2022, Giấy nhận nợ số 0631900038900001 ngày 04/07/2019, Giấy nhận nợ số 0631900038900002 ngày 17/07/2019, Giấy nhận nợ số 0631900010000001 ngày 30/01/2019, Giấy nhận nợ số 0631900010000002 ngày 31/01/2019, Giấy nhận nợ số 0632200018300001 ngày 30/8/2022, Giấy nhận nợ số 062200018300002 ngày 30/8/2022, Giấy nhận nợ số 0632200018300003 ngày 06/9/2022, Giấy nhận nợ số 0632200018300004 ngày 04/10/2022, Giấy nhận nợ số 0632200018300005 ngày 08/11/2022 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp số hợp đồng 008.22.063 ngày 24/11/2022 cho đến khi trả hết nợ cho BV B1.

- Buộc ông Trịnh Xuân M, bà Hà Thị T1 liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho BV B1 đối với khoản nợ của Công ty TNHH M1 nêu trên.

- Trường hợp Công ty TNHH M1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ và lãi suất phát sinh nêu trên thì Ngân hàng B1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm đã ký kết theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0631900009900 ngày 30/01/2019, Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0631900038700 ngày 04/07/2019, cam kết bảo đảm bằng tài sản ngày 30/01/2019, cam kết bảo đảm bằng tài sản ngày 20/7/2019 để thu hồi nợ khoản nợ của Công ty TNHH M1 nêu trên. Tài sản thế chấp gồm:

- Toàn bộ bất động sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 1656, tờ bản đồ số 11, diện tích 13.557,6m², địa chỉ: Xóm F, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với 5 phát hành: CN 785777, số đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT 19927 do UBND tỉnh N cấp ngày 05/7/2018 thuộc sử dụng sở hữu Công ty TNHH M1.

- Toàn bộ bất động sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 1528, tờ bản đồ số 07, có diện tích 192m², địa chỉ thửa đất: Xã D, Huyện D, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: U 390605, vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ: 01888 QSDD/619QĐ-UB do UBND huyện D cấp ngày 08/11/2001 thuộc sử dụng/sở hữu của ông Trịnh Xuân M.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ tại BV B1 thì Công ty TNHH M1 vẫn tiếp tục nghĩa vụ trả hết nợ còn thiếu cho BV B1.

- Công ty TNHH M1 chịu toàn bộ chi phí trong quá trình tố tụng.

2. Về lệ phí, chi phí hòa giải: Công ty TNHH M1 thống nhất nộp 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền lệ phí hòa giải cho Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Kỳ;

THẨM PHÁN

- THA DS huyện Tân Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

Nguyễn Thị Thu Hương